TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 11 – 2017
“ V/v tranh chấp xin ly hôn ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sol

Ông Võ Tấn Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2017/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “ *xin ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 344/2017/QĐXXST – HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đoàn Văn L, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Hằng N, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09.10.2017 và các lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa nguyên đơn anh Đoàn Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị N kết hôn vào năm 2000, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau, thường xuyên cự

cải nhau. Hai bên gia đình có hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có hai con chung tên là Đoàn Tấn Đ, sinh ngày 29.9.2001 và Đoàn Anh Đ, sinh ngày 20.3.2007, hiện nay hai con đang sống với anh L. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị N không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại các lời khai tại Tòa án, bị đơn chị Nguyễn Hằng N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh L kết hôn vào năm 2000, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau, thường xuyên cự cải nhau. Hai bên gia đình có hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Nay chị đồng ý ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có hai con chung tên là Đoàn Tấn Đ, sinh ngày 29.9.2001 và Đoàn Anh Đ, sinh ngày 20.3.2007, hiện nay hai con đang sống với anh L. Sau khi ly hôn chị đồng ý giao cháu Đ và cháu Đ cho anh L nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh L không có nên không yêu cầu giải quyết.

Phía chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận định:

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa anh Đoàn Văn L và chị Nguyễn Hằng N là "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con*" được quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] *Về hôn nhân*: Anh L và chị N kết hôn vào năm 2000, nhưng không có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân không được pháp luật thừa nhận. Mặc dù, anh L và chị N thống nhất thuận tình ly hôn nhưng do anh chị không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị mà

căn cứ vào khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa anh L và chị N là vợ chồng.

[2] *Về con chung*: Anh L và chị N thống nhất có hai con chung tên là Đoàn Tấn Đ, sinh ngày 29.9.2001 và Đoàn Anh Đ, sinh ngày 20.3.2007. Sau khi ly hôn anh L yêu cầu được nuôi cháu Đ và cháu Đ. Phía chị N đồng ý giao cháu Đ và cháu Đ cho anh L nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản làm việc của Tòa án cháu Đ và cháu Đ có nguyện vọng sống với anh L. Do đó, yêu cầu nuôi con của anh L phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ, cháu Đ và anh L có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dạy con chung là cháu Đ, cháu Đ nên Hội đồng xét xử giao cháu Đoàn Tấn Đ, sinh ngày 29.9.2001 và cháu Đoàn Anh Đ, sinh ngày 20.3.2007 cho anh L tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ, giáo dục đến tuổi thành Nên theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về tài sản chung*: Anh L và chị N thống nhất không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về nợ chung*: Anh L và chị N thống nhất không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Buộc anh L phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 9, 14, 51, 56, 81, 82, và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh Đoàn Văn L và chị Nguyễn Hằng N là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Đoàn Tấn Đ, sinh ngày 29.9.2001 và Đoàn Anh Đ, sinh ngày 20.3.2007 cho anh Đoàn Văn L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành Nên. Chị Nguyễn Hằng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Hằng N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc anh Đoàn Văn L phải chịu số tiền là 300.000 đồng, được đối trừ số tiền anh L dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003858 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, anh L đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Nguyễn Hằng N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống Đ hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện C;*
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS- VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THỊ TRÚC HẰNG